

PHỤ LỤC SỐ 9
GIÁ ĐẤT NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH AN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	65	46	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	59	41	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	41	29	16
2	Khu vực II				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	55	39	22
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	50	35	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	35	25	14
3	Khu vực III				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	47	33	19
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	43	30	17
	Đất trồng lúa nương	LUN	30	21	12

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	54	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	27	15
2	Khu vực II				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	46	32	18
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	32	22	13
3	Khu vực III				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	39	27	16
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	27	19	11

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	CLN	52	38	27
2	Khu vực II	CLN	44	31	18
3	Khu vực III	CLN	37	26	15

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất rừng sản xuất	RSX	12.2	8.5	4.9
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			
2	Khu vực II				
	Đất rừng sản xuất	RSX	10.4	7.3	4.2
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			
3	Khu vực III				
	Đất rừng sản xuất	RSX	8.8	6.2	3.5
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			

BẢNG 5. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	NTS	37	26	15
2	Khu vực II	NTS	32	23	13
3	Khu vực III	NTS	27	19	11

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Khu vực I				
1	Xã Đức Long				
	Đoạn từ đầu làng Đoòng Đeng qua chợ đến hết ranh giới làng Đoòng Đeng.	210	147	105	63
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Giới (giáp làng Đoòng Đeng) theo đường đi cửa khẩu đến hết làng Bản Mới				
	Đoạn đường từ đầu làng Đoòng Đeng theo đường đi Đông Khê đến hết làng Bản Ngèn.				
	Đoạn đường từ Trạm phát sóng Vinaphone theo đường vành đai biên giới đến mốc 60 tiếp giáp tỉnh Lạng Sơn.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ Trạm phát sóng Vinaphone theo đường trục chính đến mốc 958/2.				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới hành chính xã Đức Long với xã Danh Sỹ theo đường Đông Khê - cửa khẩu Đức Long đến hết làng Bản Viện				
	Đoạn đường từ làng Nà Mẩn rẽ vào hết làng Bản Là.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
II	Khu vực II				
1	Xã Vân Trình				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở đến hết nhà bưu điện văn hoá xã (chợ Thôm Bon cũ).	210	147	105	63
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã theo đường đi Đông Khê đến đầu làng Bó Dường (giáp địa giới xã Lê Lai).	179	125	89	54
	Đoạn đường từ sau nhà bưu điện văn hoá xã đến hết làng Nà Ón.				
	Đoạn đường từ đầu làng Lũng Xóm đến hết làng Khưa Pát.	152	106	76	46
	Đoạn đường từ Đán Căng (Bó Dường) đến hết làng Cốc Ngườm.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
III	Khu Vực III				
1	Xã Canh Tân				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường xung quanh chợ Đông Muồng và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	210	147	105	63
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết Trường Phổ thông cấp II, III Canh Tân.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết làng Pác Pên.				
	Đoạn từ Trường Phổ thông cấp II, III đến hết làng Kéo Ngoạng (Tân Hoà).	152	106	76	46
	Đoạn đường từ đường Đông Muồng - Trường Phổ thông cấp II, III vào hết làng Nà Cốc.				
	Đoạn đường từ Trường cấp 1 + 2 Canh Tân theo đường liên xã Canh Tân - Đức Thông đến giáp địa giới hành chính xã Đức Thông.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Pò Khương đi Khuổi Mjầu đến hết nhà ông Triệu Văn Phúng.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết đỉnh Khau Ác (giáp địa giới hành chính xã Kim Đồng).				
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết làng Nà Chia.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Khuổi Hoong đến hết làng Khuổi Vằm.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
2	Xã Danh Sỹ				
	Đoạn đường từ chân đèo Tu Hin theo đường cửa khẩu Đức Long đến hết làng Bản Phẳng.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ đầu đường Nà Vài đến hết làng Cốc Chủ.	152	106	76	46
	Đoạn đường từ làng Cốc Chủ vào hết làng Bản Nhận.				
	Đoạn đường từ đường Đông Khê - Đức Long rẽ vào hết làng Bản Bung.				
	Đoạn đường từ ngã Bản Phẳng đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
3	Xã Đức Thông				
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã	135	95	68	41
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết trường Phổ thông Cơ sở (Pò Diễm)				
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết làng Nà Pò				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Thế Khôi theo đường đi Pò Khoang đến giáp đường Tỉnh lộ 209				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã đến hết làng Nà Mềng	115	81	58	35
	Đoạn đường từ đầu làng Kéo Quý đến cuối làng Sộc Coóc				
	Đoạn đường từ cuối làng Sộc Coóc theo đường Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Trọng Con				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Pò Chiêu đi Khuổi Phủng đến hết đất nhà ông Triệu Văn Đun				
	Đoạn đường từ cuối làng Nà Mềng đến hết làng Nà Hén	98	69	49	29
	Đoạn đường từ làng Cầu Lặn đến hết làng Khuổi Phùm				
	Đoạn đường từ ngã ba theo đường vào làng Nà Mềng đến nhà ông Nông Văn Giáp				
	Đoạn đường từ Trường học Pò Diễm theo đường liên xã Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Canh Tân				
	Đoạn đường từ ngã 3 nhà ông Nông Văn Thắng theo đường liên xã Đức Thông - Kim Đồng đến hết làng Nà Pò				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	58	42	25
4	Xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Tục (giáp thị trấn Đông Khê) theo Quốc lộ 4A đến hết ngã ba đường rẽ đi xã Lê Lợi (hết đất nhà bà Đinh Thị Hỷ).	210	147	105	63
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi xã Lê Lợi (cuối nhà bà Đinh Thị Hỷ) theo đường Quốc lộ 4A đến giáp địa giới huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ theo đường làng Khê Choòng đến nhà ông Đinh Văn Uy (xóm Nà Pá).	152	106	76	46
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Đông Khuổi Thán (nhà ông Vi Văn Hải).				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Tục Ngã.				
	Đoạn đường từ ngã ba sau trường Phổ thông cơ sở (từ nhà bà Nông Thị Vui) qua xóm Nà Pá trên đến giáp đường đi xã Lê Lợi.				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Pác Khoang.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường vào làng Nà Tục đến hết làng Nà Chang (giáp địa giới thị trấn Đông Khê).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
5	Xã Kim Đồng				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Lai (Nà Vai) theo Quốc lộ 4A (đường đi Cao Bằng) đến ngã ba đường đi xã Đức Thông.	210	147	105	63
	Đoạn đường theo Quốc lộ 4A còn lại	179	125	89	54
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ đến hết làng Nà Khao				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ đến hết làng Khuổi Nặng				
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đi thôn Nà Ngườm đến cầu Búng Kít (cầu cũ)	152	106	76	46
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đi thôn Nặm Thầu đến hết làng Nặm Thầu				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
6	Xã Lê Lai				
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo Quốc lộ 4A đến hết làng Nà Keng.				
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo đường 208 đến hết làng Nà Danh.	210	147	105	63
	Đoạn đường từ ngã ba Phai Kéo theo Quốc lộ 4A mới đến hết địa phận xóm Nà Cốc (Keng Vịt).				
	Đoạn đường từ xóm Lũng Sươi (tiếp giáp Keng Vịt) theo đường Quốc lộ 4A mới đến hết địa phận xã Lê Lai (giáp xã Vân Trình).				
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê đến hồ Nà Sloông.				
	Đoạn từ cuối làng Nà Keng theo Quốc lộ 4A (cũ) đến hết làng Slằng Kheo.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ cuối làng Chộc Sòn (giáp địa giới thị trấn Đông Khê) theo đường đi Đức Long đến chân đèo Tu Hin.				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Keng đến hết làng Lũng Lãng.				
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Sloỏng vào đến hết làng Lũng Buốt.	152	106	76	46
	Từ ngã ba Nà Keng (nhà bưu điện văn hoá xã) vào đến hết làng Nà Linh.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
7	Xã Lê Lợi				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Tậu đến hết đất trường Trung học Cơ sở xã.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Nưa đến đầu làng Nà Tậu				
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Queng đến hết thôn Nà Tậu 1				
	Đoạn đường từ ngã 3 giáp ranh nhà ông Mùi Quý Chuyên đến hết đoạn đường qua nhà ông Đinh Văn Giám thôn Nà Tậu 2	152	106	76	46
	Đoạn đường từ ngã 3 Đông Luông (Công trường cấp 1 + 2 Lê Lợi) đến hết thôn Nà Niếng				
	Đoạn đường từ Đông Luông đến cụm dân cư thôn Đoỏng Mu				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
8	Xã Minh Khai				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Trường Phổ thông Cơ sở.				
	Đoạn đường từ chợ Nà Kê đến hết làng Nà Đải.	135	95	68	41
	Đoạn đường từ chợ Nà Kê đến hết làng Nà Lặng.				
	Đoạn đường từ đường 209 vào làng Khau Sliềm.				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khôn (Nà Sèn) đến hết nhà ông Nông Văn Điền (Nà Đoỏng).	115	81	58	35
	Đoạn đường từ nhà bà Lương Thị Đằm (Pác Duốc) đến hết nhà ông Lương Văn Bàu (Píc Ka).	98	69	49	29
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	58	42	25
9	Xã Quang Trọng				
	Đoạn đường xung quanh chợ, nhà trường, trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	135	95	68	41
	Từ chợ Pò Bấu theo đường đi Cao Bằng đến giáp địa giới xã Minh Khai.	115	81	58	35

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Cầu tràn Vàng Poóng đến hết làng Nà Hét.				
	Đoạn đường từ Bó Đeng đến giáp địa giới hành chính xã Đoàn Kết, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Phạc đến Cổng Trời.	98	69	49	29
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Dạng đến Pò Làng.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Phạc đến Nà Giàn.				
	Đoạn đường rẽ từ Cổng trời đến hết làng Nà Pùng.				
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Cong đến hết làng Khuổi Kiêng.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	58	42	25
10	Xã Thái Cường				
	Đoạn đường thuộc Quốc lộ 4A (cũ).	179	125	89	54
	Đoạn đường từ ngã ba Khuổi Chủ theo Quốc lộ 4A (mới) đến hết làng Tềm Tằng.				
	Đoạn đường từ Hang Kỵ (cầu Sập) đến hết làng Nà Luông.	152	106	76	46
	Đoạn đường từ đỉnh Khau Khoang đến hết phân trường Tềm Tằng.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
11	Xã Thị Ngân				
	Các vị trí đất mặt tiền khu xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
12	Xã Thụy Hùng				
	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã và trường Phổ thông Cơ sở.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ khu dân cư Lò vôi theo đường 208 đến hết làng Ka Liêng (giáp địa giới huyện Phục Hòa).	152	106	76	46
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39
14	Xã Trọng Con				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	179	125	89	54
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 4A (Cạm Tắm) đến đầu cầu làng Nà Lặng	152	106	76	46
	Đoạn đường từ ngã ba làng Nà Mản đến hết làng Bản Chang (trường Phổ thông Cơ sở xã)				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	129	90	64	39

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 80% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

BẢNG 8. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 60% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

BẢNG 9. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đông Khê				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường xung quanh chợ Đông Khê.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện.				
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin (phía Bắc) theo Quốc lộ 4A đến hết đất trụ sở Tòa án nhân dân huyện.	1.117	782	558	335
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A đến hết Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê qua chợ đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ).				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường Tỉnh lộ 208 đến hết ngã tư Bó Loỏng.				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	949	664	475	285
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ sau trụ sở Tòa án nhân dân huyện theo Quốc lộ 4A đến hết đất Xưởng chế biến Chè đắng.				
	Đoạn đường từ công trường cấp II, III (đường Cạm Phầy) đến ngã ba Sằng Péc (gặp đường 208).	807	565	403	242
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin (phía Nam) theo Quốc lộ 4A đến hết đất nhà ông Vũ Xuân Long (khu 5)				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ sau trụ sở Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê đến đầu cầu Nà Ma (đường Pò Diểu)				
	Đoạn đường từ sau trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ) theo đường đi Thôm Pò đến đầu cầu Phai Pác.				
	Đoạn từ ngã tư Bó Lũng theo đường 208 đến đầu cầu Phai Sạt (phía Tây).				
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 4A cầu Phai Pin theo đường tránh Tỉnh lộ 208 đến ngã 3 cầu Slăng Péc.				
	Đoạn đường nội thị từ công Trường Phổ thông dân tộc nội trú (đường nhánh 3) đến ngã 3 đường Bê tông đi xóm Pò Hâu (gần cầu Phai Pác).				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	686	480	343	206
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ Xưởng chế biến Chè đắng theo Quốc lộ 4A đến đường đi Lũng Hay (hết đất ở nhà ông Triệu Văn Toả).				
	Đoạn đường từ nhà ông Vũ Xuân Long theo Quốc lộ 4A đến đường rẽ vào nhà ông Vũ Xuân Hồng.	583	408	291	175
	Đoạn từ đầu cầu Phai Rạt (phía Đông) theo đường 208 đến ngã ba Slăng Péc.				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	496	347	248	149
4	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào nhà ông Vũ Xuân Hồng theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới xã Đức Xuân.				
	Đoạn đường từ đường rẽ đi Lũng Hay (hết nhà ông Triệu Văn Toả) theo Quốc lộ 4A đến hết đất nhà ông Nông Văn Tường (xóm Chang Khuyên).	421	295	211	126
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	358	251	179	107
5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Xuân Tường theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới xã Lê Lai.				
	Đoạn từ ngã ba Slăng Péc đến hết làng Chộc Sòn (đường đi Đức Long).				
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Ma theo đường vào làng Pò Diểu đến phía Đông đầu cầu Pò Diểu.				
	Đoạn từ đầu cầu Phai Pác theo đường Thôm Pò đến mỏ nước Bó Coóc.	304	213	152	91
	Đoạn đường từ đầu cầu Bó Loỏng đến hết làng Đổng Lặng.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A vào hết làng Pò Sừa.				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A vào hết làng Nà Lũng.				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên.	259	181	129	78

BẢNG 10: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 80% giá đất ở tại vị trí đó.

BẢNG 11: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://catedu.vn>